

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 2472 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 04 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình khuyến nông tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 373/QĐ-BNN-KHCN ngày 17/01/2025 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt Chương trình khuyến nông Trung ương giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định Chương trình Khuyến nông tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số: 5774/Tr-SNN.QLKTKHCN ngày 22/7/2025 về việc đề nghị phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khuyến nông tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030, với nội dung như sau:

1. Tên chương trình: Chương trình khuyến nông tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030.

2. Cơ quan tổ chức lập chương trình: Sở Nông nghiệp và Môi trường

3. Phạm vi thực hiện chương trình: Trên địa bàn toàn tỉnh Nghệ An.

4. Thời gian thực hiện chương trình: Từ năm 2026 đến năm 2030.

5. Quan điểm, mục tiêu của chương trình

5.1. Quan điểm

Chương trình khuyến nông giai đoạn 2026 - 2030 là những nội dung tổng thể dựa trên chiến lược phát triển nông nghiệp của tỉnh, trung ương và chiến lược phát triển khuyến nông của giai đoạn. Trong đó tập trung cho các hoạt động khuyến nông theo hướng phát triển “khuyến nông dịch vụ”, “khuyến nông thị trường”, “khuyến nông theo nhu cầu”, “khuyến nông có sự tham gia”, “khuyến nông đa giá trị”, “khuyến nông chuỗi ngành hàng” và chuyển đổi số..., tiếp tục xã hội hoá công tác khuyến nông nhằm phát huy mọi nguồn lực, vừa nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp vừa đảm bảo sinh kế cho người dân ở vùng sâu, vùng xa, khu vực khó khăn.



5.2. Mục tiêu

- Hàng năm làm tốt công tác hỗ trợ quản lý nhà nước trong kiểm tra, thu thập thông tin liên quan lĩnh vực khuyến nông nói riêng và các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp nói chung; đánh giá được hiệu quả các mô hình kinh tế của các đơn vị, địa phương, cá nhân trên toàn tỉnh; Hỗ trợ công tác chỉ đạo sản xuất, phối hợp với các địa phương triển khai công tác khuyến nông.

- Chương trình xây dựng và nhân rộng mô hình:

+ Về Trồng trọt: Xây dựng 131 mô hình ứng dụng tiến bộ KHKT mới, giống mới, công nghệ mới... trên các loại cây trồng, trong đó cần chú trọng thực hiện: mô hình ứng dụng công nghệ số; mô hình áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, GAP đảm bảo truy xuất nguồn gốc; mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất các loại cây ăn quả, cây trồng chủ lực;

+ Về Chăn nuôi: Xây dựng 66 mô hình ứng dụng tiến bộ KHKT mới, giống mới, công nghệ mới... trên các đối tượng vật nuôi, trong đó cần chú trọng thực hiện: mô hình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn; mô hình ứng dụng công nghệ số; mô hình xử lý môi trường chăn nuôi, giảm phát thải khí nhà kính; mô hình chăn nuôi các đối tượng đặc sản, bản địa;

+ Về Lâm nghiệp: Xây dựng 24 mô hình ứng dụng tiến bộ KHKT mới, giống mới, công nghệ mới... trong đó cần chú trọng thực hiện: mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn; mô hình trồng cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu;

+ Về Thủy sản: Xây dựng 31 mô hình ứng dụng tiến bộ KHKT mới, giống mới, công nghệ mới... trên các đối tượng nuôi, trong đó cần chú trọng thực hiện: mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số...

- Chương trình đào tạo, tập huấn Khuyến nông:

+ Đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành cho 50 cán bộ khuyến nông tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

+ Tập huấn 25 lớp nâng cao năng lực nghiệp vụ, kiến thức KHKT cho cán bộ Khuyến nông tỉnh, cán bộ nông nghiệp xã.

+ Tập huấn 50 lớp nâng cao năng lực cho các thành viên của tổ khuyến nông cộng đồng.

+ Tập huấn 300 lớp chuyển giao tiến bộ KHKT mới về nông, lâm, ngư nghiệp và cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp cho cán bộ nông nghiệp không chuyên trách cấp xã, cán bộ chủ chốt của xóm, thôn, bản

+ Tập huấn 200 lớp chuyển giao tiến bộ KHKT mới cho nông dân các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng tái định cư, đồng bào DTTS (người Mông, Khơ mú, Đan Lai, Thái...).

+ Tập huấn 2.000 lớp chuyển giao tiến bộ KHKT cho chủ trang trại, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã và nông dân.... các nội dung về ứng dụng công nghệ số trong sản xuất GAP, hữu cơ, kinh tế tuần hoàn, kiến thức phòng chống dịch bệnh hại trên các đối tượng cây trồng, vật nuôi tại địa phương.



- Thông tin tuyên truyền:
 - + Tuyên truyền 150 trang (số) trên các kênh truyền thông
 - + Duy trì thông tin trên Website khuyến nông, trên nền tảng xã hội.
 - + Thực hiện 30 số Bản tin Khuyến nông.
 - + Xây dựng 50 video/clip ngắn và Số hoá 20 tài liệu khuyến nông.
 - + Thực hiện 25 cuộc Hội thảo, hội nghị chuyên đề khuyến nông.
 - + Thực hiện 15 cuộc tham quan học tập kinh nghiệm ngoại tỉnh.
- Chương trình khuyến nông gắn với các đề án sản xuất của tỉnh: Thực hiện 10 - 12 chương trình, dự án thực hiện các Đề án sản xuất các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp của tỉnh.
- Chương trình hỗ trợ Tổ Khuyến nông cộng đồng: Hỗ trợ xây dựng, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động cho 30 Tổ Khuyến nông cộng đồng trên toàn tỉnh.
- Hợp tác trong nước và quốc tế về khuyến nông: Tăng cường hợp tác với 5 - 10 hệ thống Khuyến nông các tỉnh, thành phố. Tích cực tham gia có hiệu quả các hoạt động của Câu lạc bộ Khuyến nông đô thị và các nước có sự phối hợp.

6. Nội dung chương trình

6.1. Chương trình hỗ trợ quản lý Nhà nước

- Hỗ trợ, kiểm tra, thu thập thông tin, số liệu liên quan đến công tác xây dựng mô hình khuyến nông, mô hình kinh tế hiệu quả của các đơn vị, địa phương, cá nhân trên toàn tỉnh.
- Hỗ trợ công tác chỉ đạo sản xuất, phối hợp với các địa phương triển khai công tác khuyến nông.
- Tham mưu các Chương trình, dự án, các chính sách về Khuyến nông, xây dựng Nông thôn mới...

6.2. Chương trình xây dựng và nhân rộng mô hình

Xây dựng mô hình trình diễn về các lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản nhằm chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, trình độ quản lý sản xuất... cho bà con nông dân, người sản xuất, trong đó tập trung các nội dung ưu tiên sau:

- Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học, tự động hoá... vào xây dựng các mô hình nhằm nâng cao giá trị sản xuất.
- Xây dựng các mô hình chuyển giao quy trình quản lý về nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thực hành tốt (GAP), nông nghiệp đa giá trị, nông nghiệp chia sẻ, nông nghiệp xanh, nông nghiệp du lịch trải nghiệm... tạo ra các sản phẩm chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng, truy xuất nguồn gốc.
- Xây dựng các mô hình chế biến, xây dựng thương hiệu gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao giá trị sản phẩm.



- Ứng dụng các quy trình kỹ thuật mới; tiến bộ kỹ thuật mới, quy trình quản lý mới, các chế phẩm mới... nhằm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho bà con nông dân nhất là nông dân vùng miền núi, vùng khó khăn.

6.3. Chương trình đào tạo, tập huấn khuyến nông

Giai đoạn 2026 - 2030, hoạt động khuyến nông sẽ tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông và người sản xuất, đảm bảo thích ứng với xu thế phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững, trong đó tập trung một số nội dung ưu tiên sau:

- Tăng cường đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn, tiến bộ Khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ Khuyến nông tỉnh và cơ sở đáp ứng được nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Biên soạn tài liệu tập huấn về khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, quy trình áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ, nông nghiệp xanh, nông nghiệp thông minh, số hóa một số tài liệu hướng dẫn kỹ thuật để người sản xuất dễ tiếp cận ...

- Tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức đào tạo tập huấn phù hợp với từng đối tượng. Phối hợp với các đơn vị, địa phương xây dựng nội dung, kế hoạch thông tin tuyên truyền phù hợp tình hình thực tế và định hướng phát triển của địa phương, của ngành.

- Cung cấp thông tin và tư vấn kỹ thuật cho người dân các vấn đề liên quan đến sản xuất nông nghiệp bằng nhiều hình thức.

6.4. Chương trình thông tin, tuyên truyền

- Đẩy mạnh và đa dạng công tác thông tin trên các phương tiện thông tin như: Báo viết, báo điện tử, Đài phát thanh truyền hình, Bản tin tập san, trang Website, ứng dụng mạng internet (Youtube...) xây dựng tổ chức thực hiện các chương trình truyền truyền kịp thời và hiệu quả, phù hợp với tình hình và mùa vụ sản xuất.

- Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm, hội thảo, hội nghị nhằm đánh giá kết quả đề xuất giải pháp xây dựng kế hoạch thực hiện hiệu quả các chương trình Thông tin tuyên truyền.

6.5. Chương trình khuyến nông gắn với các đề án sản xuất của tỉnh

Căn cứ vào các đề án sản xuất của tỉnh như “Đề án phát triển, mở rộng diện tích cây ăn quả gắn với công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030”; “Đề án phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; “Đề án phát triển chăn nuôi gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030; “Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2022 - 2030; “Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030” Để xây dựng, đề xuất các dự án, các mô hình nhằm triển khai, thực hiện hiệu quả thành công các đề án.

6.6. Chương trình hỗ trợ Tổ khuyến nông cộng đồng

Hỗ trợ xây dựng và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng tại các xã nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng thông qua các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn, tập huấn, đào tạo, thông tin tuyên truyền...

6.7. Chương trình hợp tác trong nước và quốc tế về khuyến nông

- Trao đổi kinh nghiệm về công tác khuyến nông và khoa học công nghệ với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước.

- Nâng cao trình độ và năng lực người làm công tác khuyến nông thông qua chương trình hợp tác quốc tế và khảo sát trong và ngoài nước.

- Tham gia thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp.

- Trao đổi kinh nghiệm, thông tin, hỗ trợ trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới và liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động khuyến nông vùng đô thị.

(Chi tiết có Phụ lục Danh mục chương trình kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước của ngành về khuyến nông; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai chương trình khuyến nông trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả đúng với mục tiêu chương trình và theo đúng quy định của pháp luật; phê duyệt kế hoạch khuyến nông hàng năm và các dự án, nhiệm vụ liên quan đến Chương trình khuyến nông trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Xây dựng và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển của ngành và điều kiện của tỉnh; ban hành tài liệu quy trình kỹ thuật sản xuất cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Trong quá trình thực hiện, căn cứ chủ trương, định hướng phát triển của địa phương và nhu cầu thực tiễn sản xuất, thị trường, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh chương trình khuyến nông địa phương nếu cần thiết.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ liên quan đến Chương trình khuyến nông trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong triển khai thực hiện chương trình, trong đó ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trong nông nghiệp; chuyển đổi số trong hoạt động khuyến nông và các nhiệm vụ khác.

4. Sở Ngoại vụ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông tỉnh hướng dẫn công tác hợp tác và hội nhập quốc tế của địa phương phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

5. Các cơ quan truyền thông, báo chí, các ban ngành, đoàn thể liên quan

Các cơ quan truyền thông, báo chí, các ban ngành, đoàn thể tăng cường phối kết hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông tỉnh để tuyên truyền công tác Khuyến nông.

6. Trung tâm Khuyến nông tỉnh

- Hàng năm, căn cứ chương trình khuyến nông được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, chủ trì xây dựng kế hoạch và dự toán trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện theo đúng quy định;

- Xây dựng, nhân rộng và chuyển giao các chương trình, mô hình khuyến nông có hiệu quả. Tăng cường công tác đào tạo nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khuyến nông và tập huấn chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật đến cho người dân kịp thời, đảm bảo chất lượng.

- Thực hiện chế độ quản lý tài chính và quyết toán nguồn kinh phí theo đúng quy định hiện hành liên quan đến hoạt động khuyến nông.

- Định kỳ hàng năm rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Căn cứ chương trình khuyến nông được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn, phối hợp thực hiện các chương trình khuyến nông, nhân rộng các mô hình thành công vào sản xuất tại địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Ngoại vụ; Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCVP (KT) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN (TP. N.Toàn)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đệ

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG NÔNG NGHIỆP AN GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số 2472/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Dự kiến địa điểm, kết quả		
			Địa điểm	Quy mô	Các kết quả đạt được
A	CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				
1	Hỗ trợ, kiểm tra, thu thập thông tin, số liệu liên quan đến công tác xây dựng mô hình khuyến nông, mô hình kinh tế hiệu quả của các đơn vị, địa phương, cá nhân trên toàn tỉnh		Toàn tỉnh		Báo cáo đánh giá kết quả xây dựng mô hình hàng năm và giai đoạn
2	Hỗ trợ công tác chỉ đạo sản xuất, phối hợp với các địa phương triển khai công tác khuyến nông		Toàn tỉnh		Báo cáo công tác chỉ đạo sản xuất, phối hợp các địa phương triển khai công tác khuyến nông
B	CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH				
I.	TRỒNG TRỌT				
1	Ứng dụng tiến bộ KHKT mới, giống mới, công nghệ mới trong sản xuất cây lương thực (lúa, ngô, khoai, sắn...) gắn với chế biến và liên kết tiêu thụ sản phẩm.	- Phát triển sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nông nghiệp đa giá trị... nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí sản xuất (giảm lượng giống, giảm thuốc BVTV, phân bón...), giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất lúa, ngô, khoai, sắn...; Tạo ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn GAP, hữu cơ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc; chế biến, xây dựng thương hiệu gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao giá trị sản xuất cây lương thực. - Đảm bảo an ninh lương thực.	Toàn tỉnh	400 ha	Xây dựng thành công và nhân rộng 23 mô hình, trong đó chú trọng các mô hình ứng dụng công nghệ số; mô hình giảm phát thải khí nhà kính trên cây lúa; mô hình sử dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới... theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Tăng hiệu quả sản xuất, hiệu quả kinh tế ít nhất 10-15% so với sản xuất đại trà.
2	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, giống mới, công nghệ cao trong sản xuất rau, cây màu các loại	- Phát triển sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nông nghiệp đa giá trị... - Tạo ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn GAP, hữu cơ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc - Hình thành các tổ chức, hợp tác sản xuất, các vùng chuyên canh lớn gắn với chế biến, liên kết tiêu thụ, xây dựng thương hiệu sản phẩm, nâng cao giá trị sản xuất.	Toàn tỉnh	60 ha	Xây dựng thành công và nhân rộng 18 mô hình, trong đó chú trọng các mô hình ứng dụng công nghệ số; mô hình sử dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới... theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Tăng hiệu quả sản xuất, hiệu quả kinh tế ít nhất 20% so với sản xuất đại trà.

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Dự kiến địa điểm, kết quả		
			Địa điểm	Quy mô	Các kết quả đạt được
3	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, CNC, công nghệ số... trong sản xuất sinh vật cảnh tiến tới phát triển nông nghiệp đô thị.	- Phát triển nông nghiệp đô thị hướng tới một nền nông nghiệp hiện đại, bền vững, phù hợp với điều kiện đô thị hóa nhanh chóng, đồng thời đảm bảo an ninh lương thực, nâng cao thu nhập cho người dân và góp phần bảo vệ môi trường - Nâng cao giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích vùng đô thị và vùng ven đô thị gắn với phát triển du lịch/làng nghề, cơ sở sản xuất sinh vật cảnh hướng tới phát triển nền nông nghiệp đô thị, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp đa giá trị...	Vùng đô thị và ven đô thị	30 ha	- Xây dựng thành công và nhân rộng 26 mô hình, trong đó chú trọng các mô hình ứng dụng các loại giống mới, biện pháp canh tác mới; mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, áp dụng tiêu chuẩn GAP, hữu cơ; mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp đa giá trị, liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Hiệu quả kinh tế tăng ít nhất 10-15% so với sản xuất đại trà.
4	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất bền vững cây công nghiệp phục vụ chế biến và xuất khẩu	- Đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất lạc, mía, chè,... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu, tạo thu nhập cao cho người sản xuất. - Nâng cao nhận thức cho nông dân trong việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất tạo ra sản phẩm hàng hóa, đảm bảo an toàn chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm. - Thúc đẩy phát triển mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, ổn định thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo phát triển bền vững một số sản phẩm chủ lực.	Toàn tỉnh	80 ha	Xây dựng thành công và nhân rộng 20 mô hình, trong đó chú trọng các mô hình ứng dụng công nghệ số, công nghệ cao; mô hình sử dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới... theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Hiệu quả kinh tế tăng ít nhất 10-15% so với sản xuất đại trà.
5	Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, áp dụng CNC trong sản xuất các loại cây ăn quả gắn với chế biến, liên kết tiêu thụ sản phẩm	- Phát triển sản xuất theo hướng hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nông nghiệp đa giá trị... - Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới nhằm thúc đẩy sản xuất một số loại cây ăn quả (cây có múi, dừa, chanh leo,...) và một số loại cây ăn quả khác gắn với chế biến, liên kết tiêu thụ sản phẩm. Đảm bảo truy xuất nguồn gốc, nâng cao giá trị sản xuất. - Góp phần hình thành vùng sản xuất cây ăn quả chuyên canh, bền vững. Nâng cao nhận thức của người dân trong việc tổ chức sản xuất an toàn, bền vững; xây dựng thương hiệu sản phẩm, truy xuất nguồn gốc.	Toàn tỉnh	80 ha	Xây dựng thành công và nhân rộng 20 mô hình, trong đó chú trọng các mô hình ứng dụng công nghệ số, công nghệ cao; mô hình sử dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới... theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Hiệu quả kinh tế tăng ít nhất 10-15% so với sản xuất đại trà.

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Dự kiến địa điểm, kết quả		
			Địa điểm	Quy mô	Các kết quả đạt được
6	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng nâng cao giá trị sản xuất	- Chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa hoặc các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn; sử dụng cơ cấu cây trồng hợp lý, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả đầu tư. - Phát triển sản xuất theo hướng hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nông nghiệp đa giá trị... sản xuất theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường, cải tạo đất, nâng cao hiệu suất sản xuất nông nghiệp tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích.	Toàn tỉnh	30 ha	- Xây dựng thành công và nhân rộng 10 mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng có hiệu quả - Mô hình canh tác mới có nhiều ưu việt hơn so với chế độ canh tác cũ; đất và môi trường canh tác được cải tạo theo hướng bền vững
7	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, công nghệ cao nhằm phát triển cây dược liệu, cây trồng bản địa	- Phát triển sản xuất theo hướng hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nông nghiệp đa giá trị... - Phát huy thế mạnh, tiềm năng điều kiện tự nhiên đa dạng của tỉnh để phát triển các cây dược liệu, cây bản địa nhằm xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ cho chế biến dược liệu, nâng cao thu nhập cho người dân, nâng cao giá trị sản xuất	Toàn tỉnh	25ha	Xây dựng thành công và nhân rộng 14 mô hình, trong đó chú trọng các mô hình ứng dụng công nghệ cao; mô hình sử dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới... theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm, phát triển vùng nguyên liệu phục vụ cho chế biến dược liệu - Tăng hiệu quả kinh tế ít nhất 10-15% so với sản xuất đại trà
II	CHĂN NUÔI				
1	Ứng dụng tiến bộ KHKT mới, giống mới, công nghệ mới trong chăn nuôi động vật nhai lại (Bò sữa, trâu bò sinh sản, trâu bò thịt, Dê sinh sản, dê thịt, hươu...) gắn với chế biến và liên kết tiêu thụ sản phẩm	- Ứng dụng tiến bộ KHKT mới, giống mới, công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng thịt, trứng và giá trị sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, hướng đến xuất khẩu. - Phát triển sản xuất chăn nuôi theo hướng hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nông nghiệp đa giá trị... gắn với chuỗi giá trị ngành hàng. - Áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, gắn với giết mổ, xây dựng nhãn hiệu, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. - Tổ chức sản xuất theo mô hình (THT/HTX/Nhóm liên kết...). Liên kết tiêu thụ sản phẩm theo hướng truy xuất nguồn gốc trong chăn nuôi.	Toàn tỉnh	20 trang trại, nông hộ	- Xây dựng thành công và nhân rộng 17 mô hình, trong đó chú trọng các mô hình ứng dụng công nghệ số; mô hình chăn nuôi tuần hoàn. - Xây dựng và phát triển thành công chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm - Tăng hiệu quả kinh tế trên 15% so với đại trà

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Dự kiến địa điểm, kết quả		
			Địa điểm	Quy mô	Các kết quả đạt được
2	Ứng dụng tiến bộ KHKT mới, giống mới, công nghệ mới trong chăn nuôi lợn (sinh sản, thịt) theo tiêu chuẩn GAHP ... gắn với chế biến và liên kết tiêu thụ sản phẩm	- Ứng dụng tiến bộ KHKT mới, giống mới, công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng lợn thịt và giá trị sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, hướng đến xuất khẩu. - Phát triển sản xuất chăn nuôi theo tiêu chuẩn GAHP, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nông nghiệp đa giá trị... - Tổ chức sản xuất theo mô hình (THT/HTX/Nhóm liên kết...). Liên kết tiêu thụ sản phẩm theo hướng truy xuất nguồn gốc trong chăn nuôi.	Toàn tỉnh	25 trang trại, nông hộ	- Xây dựng thành công và nhân rộng 21 mô hình, trong đó chú trọng các mô hình ứng dụng công nghệ số; công nghệ cao; mô hình theo tiêu chuẩn GAHP, hữu cơ. - Xây dựng và phát triển thành công chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm - Tăng hiệu quả kinh tế trên 15% so với đại trà
3	Ứng dụng tiến bộ KHKT mới, giống mới, công nghệ mới trong chăn nuôi gia cầm theo tiêu chuẩn GAHP (Gà sinh sản, gà thịt, vịt sinh sản, vịt thịt, chim bồ câu,...) gắn với chế biến và liên kết tiêu thụ sản phẩm	- Ứng dụng tiến bộ KHKT mới, giống mới, công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng gia cầm và giá trị sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, hướng đến xuất khẩu. - Phát triển sản xuất chăn nuôi theo tiêu chuẩn GAHP, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nông nghiệp đa giá trị... - Tổ chức sản xuất theo mô hình (THT, HTX, Nhóm liên kết...). Liên kết tiêu thụ sản phẩm theo hướng truy xuất nguồn gốc trong chăn nuôi.	Toàn tỉnh	30 trang trại, nông hộ	- Xây dựng thành công và nhân rộng 18 mô hình, trong đó chú trọng các mô hình ứng dụng công nghệ số; công nghệ cao; mô hình theo tiêu chuẩn GAHP, hữu cơ, tuần hoàn; - Xây dựng và phát triển thành công chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm - Tăng hiệu quả kinh tế trên 15% so với đại trà
4	Ứng dụng tiến bộ KHKT mới, công nghệ mới trong phát triển vật nuôi đặc sản, bản địa tạo vùng nguyên liệu, gắn với du lịch sinh thái. Phát triển mô hình chăn nuôi gắn với các chương trình mục tiêu Quốc gia, biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.	- Ứng dụng tiến bộ KHKT mới, giống mới, công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và tạo sinh kế cho người dân ở vùng cao, vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. - Phát triển sản xuất chăn nuôi theo tiêu chuẩn GAHP, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nông nghiệp đa giá trị... - Áp dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới trong chăn nuôi và chế biến nhằm tăng năng suất và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thay đổi tập quán chăn nuôi thả rông tại các vùng miền núi.	Toàn tỉnh	20 trang trại, nông hộ	- Xây dựng thành công và nhân rộng 10 mô hình chăn nuôi các vật nuôi đặc sản (nhím, chồn, gà H'mông, bò H'mông, dê, vịt bầu quý, lợn đen...) và các vật nuôi khác theo hướng phát huy lợi thế cạnh tranh, nâng cao giá trị kinh tế - Tăng hiệu quả kinh tế trên 15% so với đại trà

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Dự kiến địa điểm, kết quả		
			Địa điểm	Quy mô	Các kết quả đạt được
		- Tổ chức sản xuất theo mô hình (THT/HTX/Nhóm liên kết...). Liên kết tiêu thụ sản phẩm theo hướng truy xuất nguồn gốc trong chăn nuôi.			
III	LÂM NGHIỆP				
1	Ứng dụng tiến bộ KHKT mới, giống mới, công nghệ mới trong sản xuất trồng rừng nguyên liệu, gỗ lớn.	Chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về lâm sinh để phát triển trồng rừng thâm canh cây nguyên liệu, gỗ lớn, cây bản địa nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, chất lượng rừng, giảm áp lực về đất sản xuất, về môi trường, đồng thời góp phần tạo sinh kế bền vững cho người dân sống bằng nghề rừng, gần rừng.	Các vùng trong tỉnh	80 ha	- Xây dựng thành công và nhân rộng 16 mô hình trồng thâm canh cây nguyên liệu; mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn; mô hình chuyển hoá rừng trồng gỗ nhỏ sang cung cấp gỗ lớn. - Tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế > 20% với mô hình tự phát.
2	Ứng dụng tiến bộ KHKT mới, giống mới, công nghệ mới trong sản xuất cây lâm sản ngoài gỗ và cây dược liệu.	Chuyển giao các tiến bộ KHKT trồng các loài lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu; nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tạo công ăn việc làm, xoá đói giảm nghèo, ổn định đời sống cho người dân. - Phát triển các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nông nghiệp đa giá trị...	Các vùng miền núi trung du.	40 ha	- Xây dựng và nhân rộng 08 mô hình, cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu. - Nâng cao hiệu quả kinh tế > 20% so với mô hình tự phát..
IV	THỦY SẢN				
1	Ứng dụng các TBKT mới, công nghệ cao, công nghệ số... nuôi trồng thủy sản trong môi trường nước mặn lợ theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ...	- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới phát triển nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng thâm canh, bán thâm canh, nuôi sinh thái, công nghệ cao đảm bảo an toàn thực phẩm. - Phát triển nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú 2, 3 giai đoạn, nhiều giai đoạn, công nghệ số, công nghệ tuần hoàn, biofloc, nano, công nghệ vi sinh, chế phẩm sinh học... - Phát triển nuôi tôm gắn với chứng nhận GAP, hữu cơ, tuần hoàn, chuyển đổi số, du lịch trải nghiệm, tổ	Các vùng ven biển trong tỉnh	5 ha	- Xây dựng và nhân rộng 10 mô hình nuôi trồng thủy sản mặn lợ sản phẩm đạt tiêu chuẩn GAP, hữu cơ... gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm, - Năng suất và hiệu quả kinh tế tăng từ 15 - 20% so với sản xuất đại trà

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Dự kiến địa điểm, kết quả		
			Địa điểm	Quy mô	Các kết quả đạt được
		hợp tác/hợp tác xã/tổ Khuyến nông cộng đồng, liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới phát triển sản xuất giống, ương, nuôi thương phẩm cá biển, giáp xác, nhuyễn thể, rong tảo biển trong ao, hồ và lồng bè trên biển. - Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong phát triển nuôi thủy sản nước mặn, nước lợ. - Phát triển nuôi thủy sản mặn lợ gắn với chứng nhận GAP, tuần hoàn, công nghệ số, du lịch trải nghiệm, tổ hợp tác/ hợp tác xã/ tổ Khuyến nông cộng đồng, liên kết tiêu thụ sản phẩm, đa giá trị...			
2	Ứng dụng các TBKT mới, công nghệ cao, công nghệ số... nuôi trồng thủy sản, thủy đặc sản nội địa trong môi trường nước ngọt theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ...	- Chương trình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới phát triển sản xuất giống, ương, nuôi thương phẩm cá truyền thống, cá rô phi, cá lóc,... cải thiện sinh kế và phục vụ xuất khẩu. - Phát triển nuôi thâm canh, bán thâm canh tôm càng xanh, luân canh, xen canh tôm càng xanh - lúa, cá - lúa. Phát triển nuôi thủy đặc sản trong ao, hồ, bể, ruộng lúa, trong lồng trên sông và hồ chứa. - Phát triển nuôi thủy sản, thủy đặc sản nội địa theo công nghệ tuần hoàn, công nghệ số, biofloc, Nano, công nghệ vi sinh, chế phẩm sinh học, đa giá trị... - Phát triển nuôi thủy sản, thủy đặc sản nội địa gắn với chứng nhận GAP, hữu cơ, tuần hoàn, giảm phát thải, chuyển đổi số, du lịch trải nghiệm, tổ hợp tác/hợp tác xã/tổ Khuyến nông cộng đồng, liên kết tiêu thụ sản phẩm, đa giá trị.	Toàn tỉnh	8 ha	- Xây dựng và nhân rộng 15 mô hình nuôi trồng thủy sản, thủy đặc sản nội địa sản phẩm đạt tiêu chuẩn GAP, hữu cơ...gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm, - Năng suất và hiệu quả kinh tế tăng từ 15 - 20% so với sản xuất đại trà
3	Chương trình ứng dụng các thiết bị hiện đại trong khai thác hải sản xa bờ	- Ứng dụng cơ giới hóa, hiện đại hoá đội tàu khai thác hải sản xa bờ. Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ nâng cao hiệu quả đánh bắt trên tàu cá, đáp ứng quy định khai thác IUU. - Phát triển khai thác hải sản một số nghề lưới vây, lưới rê, lưới chụp, nghề câu... Ứng dụng tiến bộ, công	Các vùng ven biển trong tỉnh	6 tàu	- Xây dựng và nhân rộng 02 mô hình khai thác hải sản xa bờ có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới; - Hiệu quả kinh tế cũng như sản lượng đánh bắt tăng 2-3 lần so với tàu chưa áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới.

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Dự kiến địa điểm, kết quả		
			Địa điểm	Quy mô	Các kết quả đạt được
		nghề mới trong sơ chế, chế biến, bảo quản nâng cao chất lượng sản phẩm trên tàu khai thác hải sản. - Phát triển mô hình chuyển đổi nghề khai thác thủy sản sang nuôi trồng, dịch vụ, hậu cần thủy sản, đồng quản lý nguồn lợi thủy sản dựa vào cộng đồng. - Phát triển khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản gắn với tổ chức lại sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã, tổ Khuyến nông cộng đồng, liên kết tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng quy định chống khai thác bất hợp pháp, không khai báo (IUU)			- Tạo nguồn thu nhập ổn định khuyến khích được ngư dân bám biển, góp phần bảo vệ nguồn lợi thủy sản, dữ vững chủ quyền biển đảo.
4	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch	- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong sơ chế, chế biến nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm thủy, hải sản. - Phát triển mô hình sơ chế, chế biến, quản lý chất lượng thủy sản đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý. - Phát triển mô hình chế biến các sản phẩm nâng cao giá trị gia tăng từ phụ phẩm thủy sản. Phát triển chế biến, bảo quản, gắn với tổ chức lại sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã, du lịch/làng nghề truyền thống, tổ Khuyến nông cộng đồng, liên kết tiêu thụ sản phẩm.	Toàn tỉnh	04 cơ sở	- Xây dựng và nhân rộng 04 mô hình sơ chế, chế biến các mặt hàng thủy hải sản an toàn vệ sinh thực phẩm
C	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN KHUYẾN NÔNG				
1	Đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	Nhằm nâng cao năng lực nghiệp vụ, kiến thức chuyên ngành cho đội ngũ cán bộ khuyến nông tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới	Ngoại tỉnh	50 người	- Mỗi năm Đào tạo nâng cao năng lực cho 10 người về các nội dung liên quan.
2	Tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ, kiến thức KHKT cho cán bộ Khuyến nông tỉnh, cán bộ nông nghiệp xã	Nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ là cán bộ Khuyến nông tỉnh, cán bộ nông nghiệp xã	Trong tỉnh	25 lớp	Đào tạo cho 750 – 1.000 học viên tham gia.

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Dự kiến địa điểm, kết quả		
			Địa điểm	Quy mô	Các kết quả đạt được
3	Tập huấn nâng cao năng lực cho các thành viên của tổ khuyến nông cộng đồng	Trang bị cho các thành viên tổ khuyến nông cộng đồng về phương pháp, kỹ năng khuyến nông, chuyển đổi số, các quy trình sản xuất tiên tiến và các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao vai trò hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng tại các địa phương	Cụm xã trên địa bàn tỉnh	50 lớp	Tập huấn cho 1.500 học viên tham gia
4	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ nông nghiệp không chuyên trách cấp xã, cán bộ chủ chốt của xóm, thôn, bản	Nhằm trang bị kiến thức về chuyển đổi số, áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất nông lâm, ngư nghiệp (An toàn sinh học, thông minh, tích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải, VietGAP, hữu cơ, tuần hoàn,...) và cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả, giá trị gia tăng và phát triển bền vững.	Các xã trên địa bàn tỉnh	300 lớp	Tập huấn cho 12.000 - 15.000 học viên tham gia
5	Tập huấn chuyển giao tiến bộ KHKT mới cho nông dân các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn và vùng tái định cư	Cung cấp kiến thức KHKT mới cho người dân các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng tái định cư, đồng bào DTTS (người Mông, Khơ mú, Đan Lai, Thái...) nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất	Các xã vùng tái định cư, các xã khó khăn và đặc biệt khó khăn	200 lớp	Tập huấn cho 8.000-10.000 học viên tham gia
6	Tập huấn chuyển giao tiến bộ KHKT nông, lâm, ngư nghiệp cho chủ trang trại, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã và nông dân.	Nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp an toàn sinh học, tiêu chuẩn GAP, hữu cơ, công nghệ cao, tuần hoàn, nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải, ... trên các đối tượng cây trồng, vật nuôi tại địa phương.	Tại các địa phương trong tỉnh	2.000 lớp	Tập huấn cho 80.000-100.000 học viên tham gia
D	CHƯƠNG TRÌNH THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN				
1	Tuyên truyền trên Báo và Đài phát thanh Truyền hình, các cơ quan truyền thông	Chuyển tải thông tin về chính sách và tiến bộ KHKT, mô hình và gương sản xuất giỏi đến với người dân thông qua các bài viết và trang chuyên đề, phóng sự trên các kênh truyền thông	Trong tỉnh	150 trang (số)	Mỗi năm thực hiện 30 trang (số) trên các kênh truyền thông

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Dự kiến địa điểm, kết quả		
			Địa điểm	Quy mô	Các kết quả đạt được
3	Thông tin trên Website khuyến nông, trên nền tảng xã hội.	Thông tin các hoạt động khuyến nông trên Website, trên các nền tảng xã hội thông qua các kênh facebook, youtube, zalo ..	Trong tỉnh	Duy trì hoạt động thường xuyên	Chuyển tải các tin, bài viết, ảnh, video, clip ngắn, bài giảng powerpoint về các hoạt động Khuyến nông.
4	Thông tin trên bản tin Khuyến nông	Thông tin các hoạt động khuyến nông trên bản tin	Trong tỉnh	30 số	Xuất bản 06 số/năm để chuyển tải các bài viết Khuyến nông
5	Xây dựng video, clip ngắn; Số hoá tài liệu khuyến nông	- Đăng tải trên nền tảng xã hội đưa nhanh khoa học kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất - Phục vụ công tác xây dựng mô hình, đào tạo tập huấn Khuyến nông	Trong tỉnh	50 video/clip ngắn 20 Tài liệu	Xây dựng video/clip; số hoá tài liệu khuyến nông
6	Hội thảo, hội nghị chuyên đề khuyến nông	Đánh giá kết quả hoạt động và bàn giải pháp	Trong tỉnh	25 cuộc	Triển khai 5 cuộc/ năm
7	Tham quan học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh	Tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khuyến nông tỉnh, cán bộ làm công tác nông nghiệp cơ sở, thành viên Tổ Khuyến nông cộng đồng và nông dân có điều kiện tiếp cận các mô hình mới, có hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức... áp dụng vào thực tiễn sản xuất	Các địa phương ngoài tỉnh	15 cuộc	Tổ chức tham quan ngoài tỉnh
E	CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG GẮN VỚI CÁC ĐỀ ÁN SẢN XUẤT CỦA TỈNH				
	Căn cứ vào các đề án sản xuất của tỉnh để xây dựng, đề xuất các dự án khuyến nông nhằm triển khai, thực hiện thành công các đề án.		Trong tỉnh		Thực hiện 10-12 chương trình khuyến nông gắn với các đề án sản xuất của tỉnh.

THÀNH

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Dự kiến địa điểm, kết quả		
			Địa điểm	Quy mô	Các kết quả đạt được
F	CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ TỔ KHUYẾN NÔNG CỘNG ĐỒNG				
1	Hỗ trợ xây dựng, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động Tổ Khuyến nông cộng đồng	Nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng thông qua các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn, tập huấn, đào tạo, thông tin tuyên truyền.	Toàn tỉnh	30 Tổ KNCĐ	- Mỗi năm hỗ trợ từ 5-6 Tổ khuyến nông cộng đồng xây dựng các mô hình trình diễn về TBKT mới, công nghệ số, công nghệ cao, liên kết tiêu thụ sản phẩm... - Hỗ trợ công tác đào tạo, tủ sách khuyến nông cộng đồng, thông tin tuyên truyền... - Hỗ trợ từ 02-03 cuộc/năm tham quan học tập trong và ngoài tỉnh.
G	HỢP TÁC TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ VỀ KHUYẾN NÔNG				
1	Hợp tác với Trung tâm Khuyến nông các tỉnh, thành phố và hợp tác quốc tế	Trao đổi kinh nghiệm, thông tin, hỗ trợ trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới và liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động khuyến nông	Trong nước		Hợp tác toàn diện với hệ thống Khuyến nông các tỉnh và quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông.
2	Tham gia Chương trình khuyến nông đô thị	Trao đổi kinh nghiệm, thông tin, hỗ trợ trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới và liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động khuyến nông vùng đô thị	Trong nước		Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông